FireAnt

CTCP Quốc tế Sơn Hà (HSX: SHI)

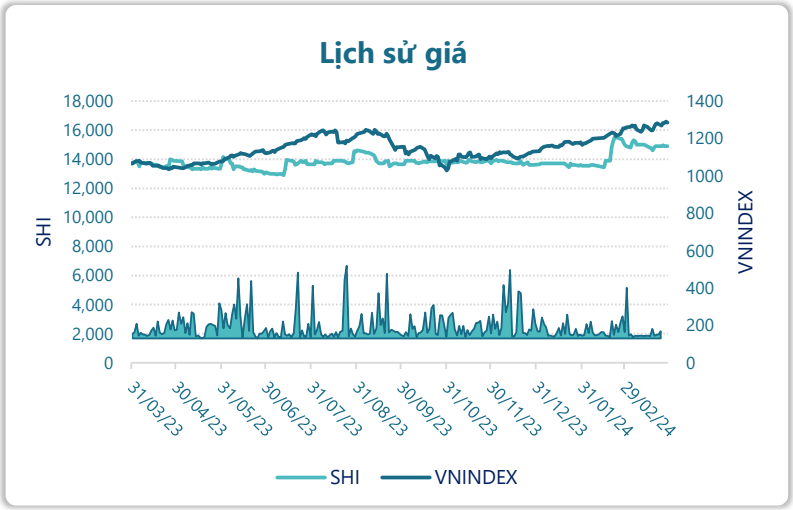

Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**14,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	15,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,900
SL cổ phiếu LH	161,857,589
KLGD BQ 20 phiên (CP)	669,300
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,412
P/E	196.6
EPS	76

DT thuần

Q1/24

1,862

tỷ VNĐ

QoQ: ▼871| -31.9%

YoY: ▼356| -16.1%

LN sau thuế

Q1/24

10.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.20| -47.0%

YoY: ▼16.2| -61.0%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

4.4%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2023

9,605

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,628| 20.4%

LN sau thuế

2023

59.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼28.2| -32.3%

ROE

2023

0.8%

+/- YoY: ▼ 2.7%

Kết quả kinh doanh

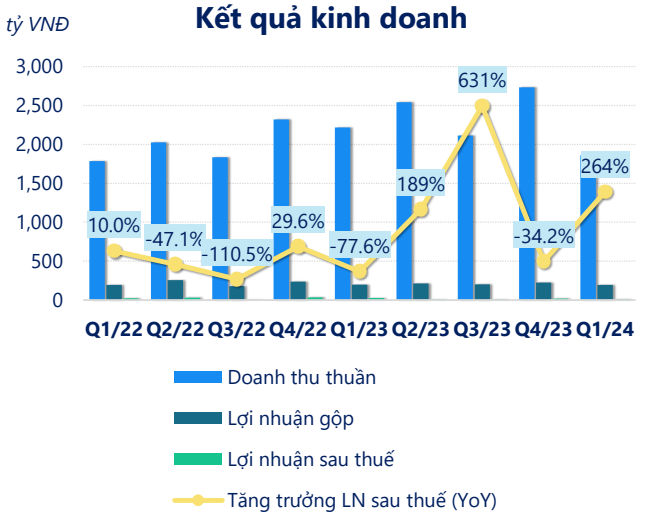

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

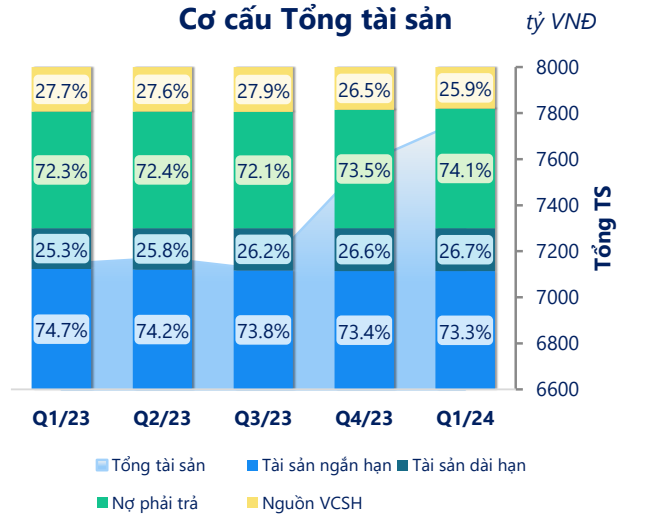

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

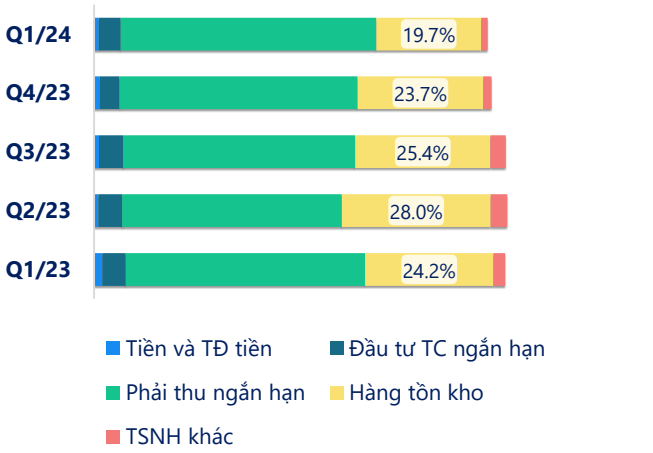

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

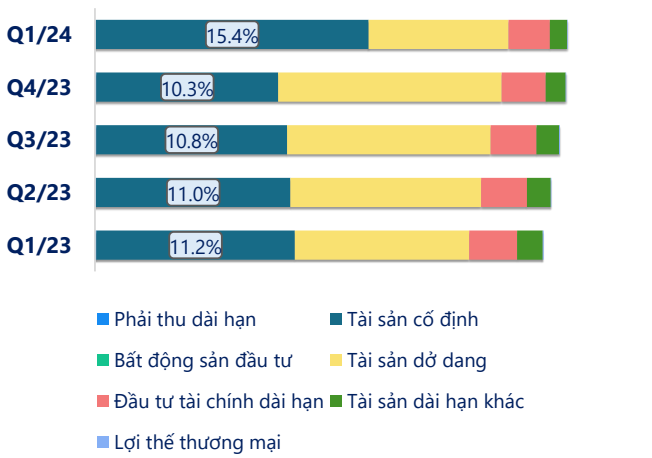

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

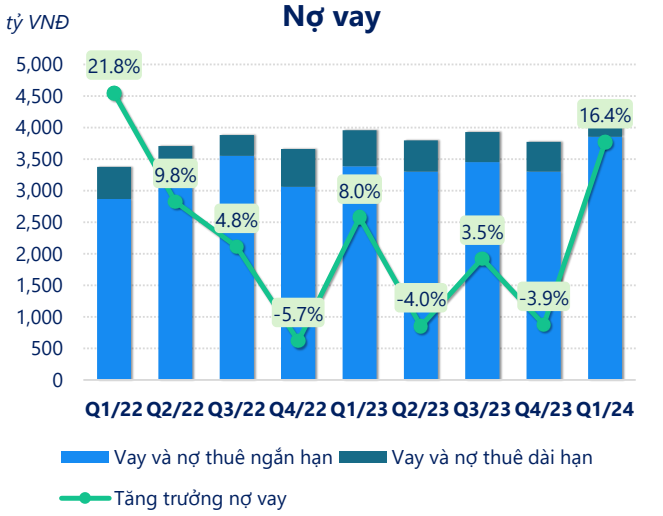

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

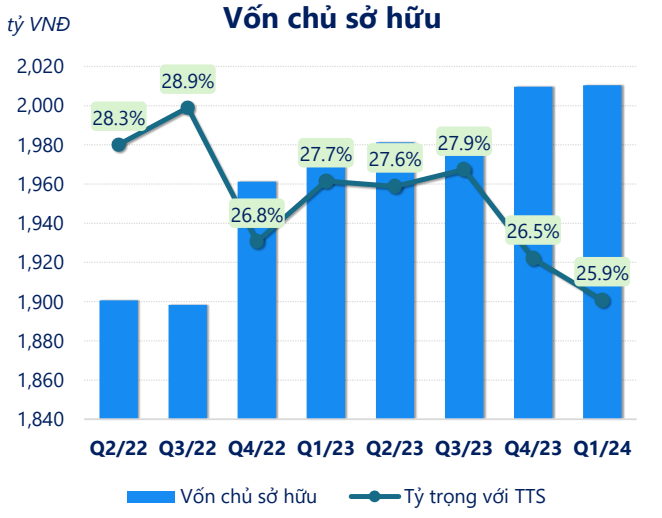

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

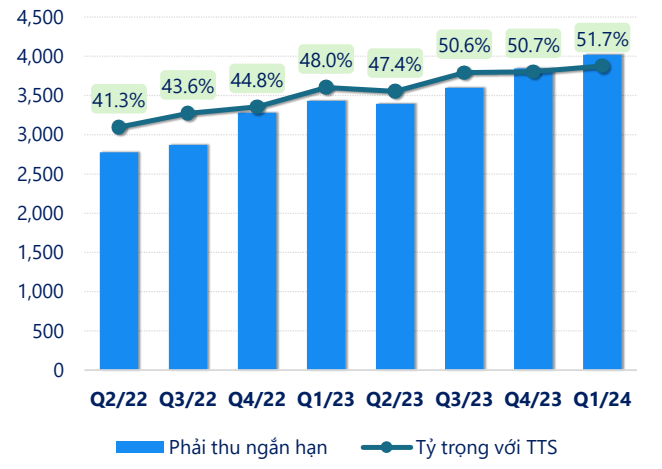

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

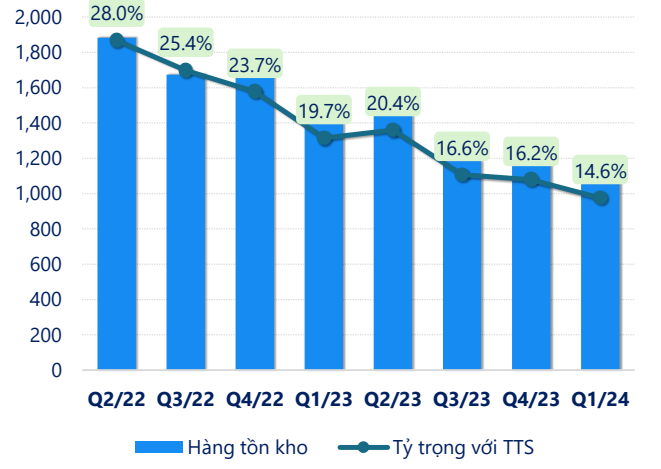

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

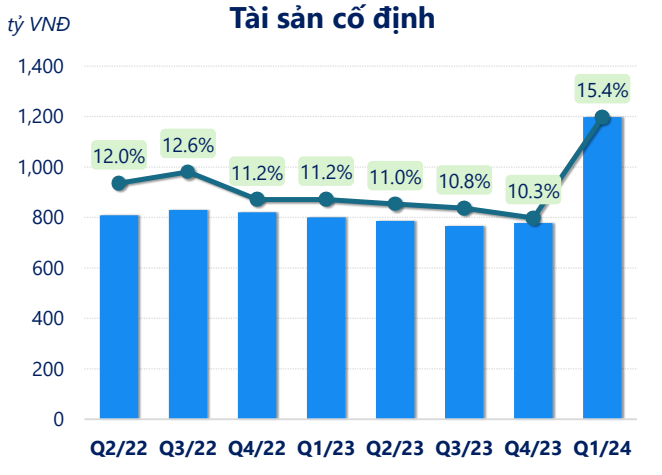

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

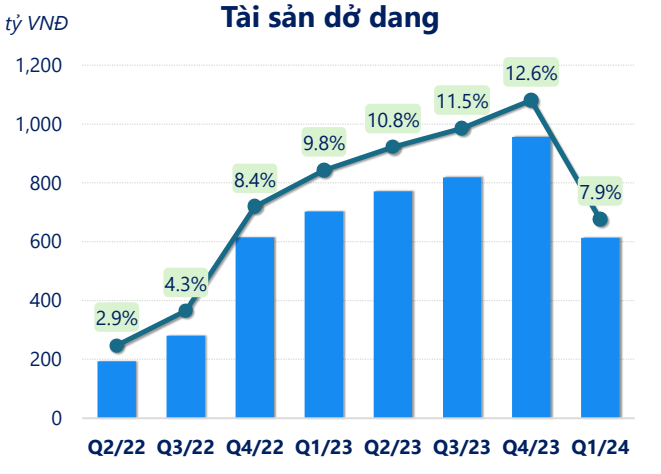

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

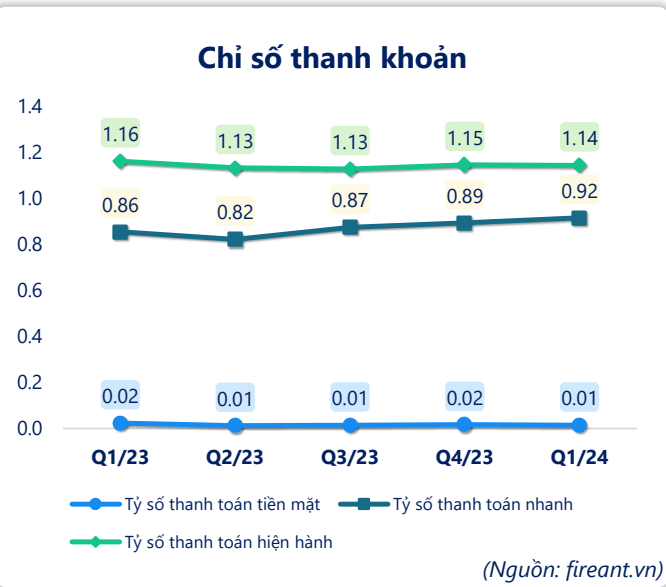

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

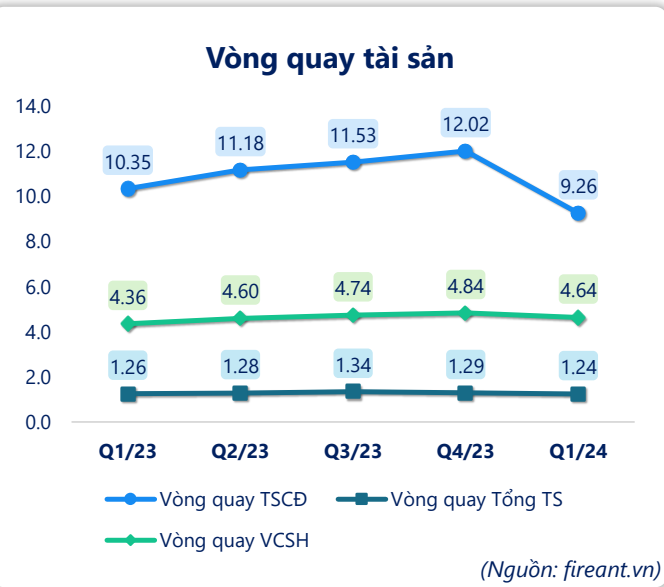

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**7,145**	**7,170**	**7,120**	**7,582**	**7,775**
Tài sản ngắn hạn	**5,337**	**5,323**	**5,253**	**5,566**	**5,701**
Tiền và tương đương tiền	109	57.9	64.2	79.2	67.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	296	340	339	346	393
Phải thu ngắn hạn	3,433	3,395	3,600	3,845	4,019
Hàng tồn kho	1,410	1,464	1,183	1,226	1,138
Tài sản ngắn hạn khác	89.3	66.4	66.4	69.6	82.9
Tài sản dài hạn	**1,808**	**1,847**	**1,868**	**2,016**	**2,074**
Phải thu dài hạn	5.29	4.29	5.99	5.94	3.24
Tài sản cố định	800	787	766	778	1,198
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	703	771	818	956	613
Đầu tư tài chính dài hạn	194	185	184	189	181
Tài sản dài hạn khác	103	96.8	90.7	85.0	76.4
Lợi thế thương mại	3.10	2.92	2.74	2.56	2.38
Nợ phải trả	**5,165**	**5,189**	**5,134**	**5,572**	**5,765**
Nợ ngắn hạn	**4,593**	**4,696**	**4,657**	**4,854**	**4,982**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3,387	3,304	3,451	3,300	3,854
Phải trả người bán ngắn hạn	267	537	468	395	404
Nợ dài hạn	572	493	478	718	782
Vay và nợ thuê dài hạn	569	492	477	476	540
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,980**	**1,981**	**1,986**	**2,010**	**2,010**
Vốn chủ sở hữu	**1,980**	**1,981**	**1,986**	**2,010**	**2,010**
Vốn điều lệ	1,622	1,622	1,622	1,622	1,622
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)